

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DS-PT
Ngày 11-6-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương
Các Thẩm phán: Ông K'Tiên và bà Nguyễn Thị Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 04-4-2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thái B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 01, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông- Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phù Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Bon B, xã Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người kháng cáo: Anh Phạm Thái B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Thái B trình bày: Ngày 17-3-2023, anh Phạm Thái B cho anh Phù Văn T vay số tiền 65.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả tiền ngày 17-7-2023. Tuy nhiên, quá thời hạn anh T không thực hiện đúng thỏa thuận. Do đó, anh B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả số tiền 88.400.000 đồng (tiền gốc là 65.000.000 đồng, tiền lãi suất 1,5%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 23.400.000 đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm anh B thừa nhận anh T đã trả 50.000.000 đồng vào cuối tháng 02 năm 2024.

2. Bị đơn anh Phù Văn T trình bày: Anh T thừa nhận có ký vào giấy vay tiền đề ngày 17-3-2023 như anh B trình bày. Song, số tiền này phát sinh từ khoản vay 650.000.000 đồng trước đó, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Tổng số tiền gốc và lãi phát sinh trong 02 tháng là 850.000.000 đồng, đã trả 800.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng cộng với lãi suất phát sinh là 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, cuối tháng 02 năm 2024 anh T đã trả cho anh B 50.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng.

Bản án số: 04/2025/DS-ST ngày 04-4-2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định: 1) Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thái B. Buộc anh Phù Văn T, chị Hồ Thị Kim O phải trả cho anh Phạm Thái B tổng số tiền là 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). 2) Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Thái B về việc yêu cầu bị đơn anh Phù Văn T phải trả số tiền 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng). Trong đó số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17-4-2025, nguyên đơn kháng cáo, nội dung: Yêu cầu trả khoản tiền lãi suất đối với số tiền 65.000.000đồng từ ngày 17-3-2023 đến tháng 02 năm 2024. Trường hợp Hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ xác định anh T trả 50.000.000đồng vào khoản vay khác, thì buộc phải trả cả tiền gốc và lãi phát sinh là 88.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh B thay đổi yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, cụ thể: Buộc anh T trả 15.000.000đồng tiền gốc chưa trả, lãi suất phát sinh và lãi 01,5%/tháng đối với khoản tiền gốc 65.000.000đồng từ ngày 17-3-2023 đến tháng 02 năm 2024.

Anh T trình bày: Khoản 65.000.000 đồng anh T đã ký giấy vay tiền ngày 17-3-2023, bản chất là khoản tiền cho vay lãi nặng 3.000đồng/triệu/ngày (nhưng chưa cung cấp được chứng cứ), đã trả 50.000.000 đồng/38.000.000đồng (trả nhiều hơn số tiền còn nợ). Do đó anh T không chấp nhận yêu cầu của anh B, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm thiếu sót chưa tính khoản tiền lãi suất từ ngày 17-3-2023 đến cuối tháng 02 năm 2024 theo quy định của pháp luật, do đó có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi phát sinh: 29.062.500 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm buộc chị O liên đới trả tiền cho anh B là vượt quá yêu cầu khởi kiện, cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ

toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Phạm Thái B nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Các bên đương sự đều thừa nhận ngày 17-3-2023, anh Phạm Thái B cho anh Phù Văn T vay số tiền 65.000.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 17-7-2023, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng. Đối với nội dung trình bày của anh T cho rằng khoản tiền vay này phát sinh từ khoản tiền lãi của khoản vay khác (lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày) là không có căn cứ.

[2.2]. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh B và anh T đều thừa nhận cuối tháng 02 năm 2024 anh T đã trả 50.000.000đồng. Như vậy, thời điểm anh T trả anh B 50.000.000đồng được xác định là ngày cuối cùng của tháng 02 năm 2024 (ngày 29-02-2024). Mặc dù, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận anh T đã trả 50.000.000đồng, nhưng không xem xét tính lãi suất theo quy định đối với khoản tiền gốc này từ ngày 17-3-2023 đến ngày 29-02-2024, chỉ tính khoản tiền lãi 1,5%/tháng đối với số tiền gốc 15.000.000đồng (từ ngày 17-3-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm) là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh B. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B, cụ thể: Tiền lãi suất tính từ ngày 17-3-2023 đến ngày 29-02-2024: $65.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 11.115.000 \text{ đồng}$; tiền lãi từ ngày 01-3-2024 đến ngày 04-04-2025: $15.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 2.947.500 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và tiền lãi anh T phải trả cho anh B là: $15.000.000 \text{ đồng} + 14.062.500 \text{ đồng} = 29.062.500 \text{ đồng}$.

[2.3]. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu anh B có nghĩa vụ trả tiền, đồng thời các đương sự đều thừa nhận khoản vay trên không liên quan đến chị O (vợ anh T). Song, bản án sơ thẩm buộc chị O phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho anh B là vượt quá yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được hướng dẫn tại mục 12 phần IV Công văn số 163/TANDTC-PC ngày 10-9-2024 của Tòa án nhân dân tối cao), Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu ra để rút kinh nghiệm.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối số tiền nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận

kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST ngày 04-4- 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức:

1.1. Buộc anh Phù Văn T phải trả cho anh Phạm Thái B tổng số tiền gốc và lãi phát sinh: 29.062.500đ (*Hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Buộc anh Phù Văn T phải chịu 1.453.000đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại anh Phạm Thái B 2.342.925đ (*Hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai theo biên lai số 0008878 ngày 28-10-2024 và số 0008909 ngày 24-4-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Đối với những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương